

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCAD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TCAD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TCAD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107038768

**3. Ngày thành lập:** 20/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 24, ngách 18, ngõ 76 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983588582

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                      | 2640     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740     |
| 4.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790     |
| 6.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                      | 2394     |
| 7.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                | 2395     |
| 8.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                           | 2396     |
| 9.  | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610     |
| 10. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621     |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622     |
| 12. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                 | 1623     |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629     |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 16. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 18. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100     |
| 19. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                           | 3700     |

|     |                                                                                                                                              |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 20. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                        | 4100(Chính)                                                         |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                    | 4210                                                                |
| 22. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                 | 4220                                                                |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                   | 4290                                                                |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                       | 4311                                                                |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                            | 4312                                                                |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                        | 4321                                                                |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                              | 4322                                                                |
| 28. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                               | 4329                                                                |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                               | 4330                                                                |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                          | 4390                                                                |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                         | 4641                                                                |
| 32. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                        | 9524                                                                |
| 33. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                        | 6810                                                                |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                            | 6820                                                                |
| 35. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                          | 7110                                                                |
| 36. | Quảng cáo                                                                                                                                    | 7310                                                                |
| 37. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                | 7410                                                                |
| 38. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH HOÀNG | Tổ 12, Phường Phan Thiết, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 900.000.000           | 45        | 070735741                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                           | Tổng số           | 9.000      | 900.000.000           | 45        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ TIẾN DŨNG     | P301 tập thể Cầu Thăng Long, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 1.000.000.000         | 50        | 012103148                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                           | Tổng số           | 10.000     | 1.000.000.000         | 50        |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM PHƯƠNG GIANG | Tổ 14, Phường Tân Hà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 100.000.000           | 5         | 070927019                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                           | Tổng số           | 1.000      | 100.000.000           | 5         |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGÔ TIỀN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 14/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012103148

Ngày cấp: 15/03/2005

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*P301 tập thể Cầu Thăng Long, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số nhà 24, ngách 18, ngõ 76 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội